

Số: 177 /BC-UBND

Tuần Giáo, ngày 22 tháng 5 năm 2020

## BÁO CÁO

### Tình hình quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn huyện Tuần Giáo

Thực hiện Kế hoạch giám sát số 23/KH-HĐND ngày 29/4/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Tuần Giáo về giám sát tình hình quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn huyện Tuần Giáo, UBND huyện Tuần Giáo báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn huyện như sau:

#### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

##### 1. Tình hình chung

- Tuần Giáo là huyện cửa ngõ phía Đông của tỉnh Điện Biên, diện tích tự nhiên trên 113.000 ha; phía Bắc giáp huyện Tủa Chùa, phía Tây và Tây Nam giáp huyện Mường Ảng, phía Nam và Đông Nam giáp tỉnh Sơn La, phía Tây và Tây Bắc giáp huyện Mường Chà. Huyện có 18 xã, 01 thị trấn với 177 khối, bản. Dân số trên 88.000 người; huyện có 14 dân tộc cùng sinh sống, trong đó, dân tộc thiểu số chiếm trên 90% tổng dân số toàn huyện (*dân tộc Thái 59,03%, dân tộc Mông chiếm 25,79%, dân tộc Kinh 8,56%, dân tộc Khơ Mú 2,82%, dân tộc Kháng 3,49%, còn lại là các dân tộc khác*).

- Khí hậu Tuần Giáo thuộc khu vực nhiệt đới gió mùa miền Bắc Việt Nam. Hàng năm có 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 9, mùa khô từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau.

- Hệ thống sông suối huyện Tuần Giáo khá dày đặc, phục vụ tưới tiêu cho cây trồng và phục vụ sinh hoạt của người dân. Hiện tại, trên địa bàn huyện có 140 công trình nước sinh hoạt do nhà nước đầu tư, đều là công trình nước tự chảy và được giao cho UBND các xã, thị trấn quản lý.

##### 2. Thuận lợi

Huyện luôn nhận được sự quan tâm của UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành tỉnh nên nhiều công trình nước sinh hoạt nông thôn tập trung được đầu tư xây dựng phục vụ nước sinh hoạt của người dân, góp phần nâng cao đời sống của người dân, phát triển kinh tế - xã hội và ổn định an ninh chính trị trên địa bàn huyện.

##### 3. Khó khăn

- Tuần Giáo là huyện nghèo, địa hình bị chia cắt mạnh, giao thông đi lại khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo chiếm 38,37%, hộ cận nghèo chiếm 16,09%; có 18/19 xã,

thị trấn thuộc diện đặc biệt khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều, nhận thức của một bộ phận nhân dân về pháp luật còn hạn chế.

- Công tác quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt của UBND một số xã chưa được quan tâm đúng mức, ý thức bảo vệ của người dân trong sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt còn hạn chế.

- Hệ thống sông suối của huyện khá dày đặc, tuy nhiên lưu lượng và khối lượng dòng chảy không lớn.

- Các công trình nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn huyện hầu hết được xây dựng trước năm 2010, cùng với diễn biến thời tiết ngày càng bất lợi, thiên tai xảy ra ngày càng khắc nghiệt nên nhiều công trình bị xuống cấp và hư hỏng nặng, không còn hoạt động.

## **II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SINH HOẠT NÔNG THÔN TẬP TRUNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

### **1. Thực trạng các công trình nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn huyện**

Tổng số công trình nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn huyện là: 140 công trình, trong đó:

- Số công trình đang hoạt động tốt là: 12 công trình (hoạt động thường xuyên trong năm và cơ bản cấp đủ lượng nước phục vụ sinh hoạt cho người dân).

- Số công trình hoạt động trung bình là: 29 công trình (hoạt động ở mức trung bình, mùa mưa đủ nước sinh hoạt cho người dân, mùa khô chỉ cấp nước đủ cho khoảng 60 - 80% số hộ sử dụng nước theo công suất thiết kế. Nguyên nhân do nguồn nước thiếu, một số công trình đã xây dựng từ lâu đã bị xuống cấp hoặc hư hỏng nhỏ).

- Số công trình hoạt động kém hiệu quả: 32 công trình (chỉ cung cấp nước cho khoảng từ 40 - 60% số hộ sử dụng nước theo công suất thiết kế. Nguyên nhân do nguồn nước không đủ, một số công trình đã xây dựng lâu bị xuống cấp, hư hỏng lớn).

- Số công trình không hoạt động: 67 công trình. Nguyên nhân do một số công trình hiện tại nguồn nước không đủ nước hoặc xây dựng từ lâu (từ năm 1994-2008) bị xuống cấp nghiêm trọng, công trình hết thời gian khấu hao tài sản, bị hư hỏng nặng, việc nâng cấp, sửa chữa công trình không còn hiệu quả.

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

### **2. Công tác lãnh đạo chỉ đạo của UBND huyện**

- UBND huyện đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn các nội dung về quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt đảm bảo nội dung và thời gian quy định. Hàng năm, UBND huyện đều triển khai thực hiện việc đánh giá Bộ chỉ số nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo quy định theo các hướng dẫn của Sở Nông nghiệp &

PTNT như văn bản số 2327/SNN-NS ngày 10/11/2017; số 2718/SNN-NS ngày 01/10/2018; số 2378/SNN-TTN ngày 13/11/2019 của Sở Nông nghiệp & PTNT về việc điều tra số liệu Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch & VSMTNT năm 2017, 2018 và 2019.

- UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác quản lý các công trình nước sinh hoạt, thường xuyên báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác và hiện trạng các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn quản lý như: Văn bản số 39/UBND-NN ngày 12/5/2017 về việc thực hiện Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Tuần Giáo; Kế hoạch số 559/KH-UBND ngày 12/5/2017 về việc tổ chức phát động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia Nước sạch & VSMT năm 2017; Văn bản số 980/UBND-NN ngày 25/7/2017 về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý, khai thác và bảo vệ CTTL và Nước sinh hoạt đầu tư trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 2127/KH-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện về Phòng chống hạn hán, thiếu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh mùa khô 2019-2020 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 399/KH-UBND ngày 09/4/2020 về hành động bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi trên địa bàn huyện; Báo cáo số 132/BC-UBND ngày 15/02/2016 + Báo cáo số 86/BC-UBND ngày 09/01/2016 + Báo cáo số 48/BC-UBND ngày 09/01/2019 của UBND huyện về việc Báo cáo kết quả Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch và VSMTNT năm 2016, 2017, 2018 huyện Tuần Giáo; Báo cáo số 157/BC-UBND ngày 10/03/2020 của UBND huyện về việc Báo cáo công tác nước sạch nông thôn năm 2019 trên địa bàn huyện Tuần Giáo...

- UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thống kê các công trình hư hỏng, không hoạt động, đã hết thời gian khấu hao, đề nghị thanh lý (theo Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính); các công trình có thể sửa chữa, nâng cấp đề nghị sửa chữa, nâng cấp để công trình tiếp tục phát huy hiệu quả; tuyên truyền, vận động người dân sử dụng nước sạch, nước sinh hoạt hợp vệ sinh để đảm bảo sức khỏe cho chính mình và cộng đồng.

### **3. Công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực nước sinh hoạt nông thôn**

- UBND huyện giao Phòng Nông nghiệp & PTNT là cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về các công trình nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn huyện; thường xuyên phối hợp với UBND các xã, thị trấn kiểm tra hiện trạng cũng như đánh giá hiệu quả đầu tư của các công trình nước sinh hoạt trên địa bàn.

- Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp & PTNT phối hợp Phòng Văn hóa – Thông tin, Trung tâm Văn hóa – Truyền thanh – Truyền hình, các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn và các tổ chức chính trị, đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và vận động người dân chấp hành tốt các quy định của pháp luật về sử dụng, khai thác, bảo vệ các công trình nước sinh hoạt bằng nhiều hình thức: Tuyên truyền trên hệ thống thông tin đại chúng; treo pa nô, khẩu hiệu; lồng ghép tuyên truyền trong các cuộc họp khối, bản; tiếp xúc cử tri...

- Các công trình nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn huyện sau đầu tư xây dựng được bàn giao cho UBND các xã, thị trấn tiếp nhận, tổ chức quản lý, sử dụng theo mô hình cộng đồng thôn bản tự quản lý, khai thác và sử dụng.

- Việc chỉ đạo UBND cấp xã triển khai thực hiện quy trình tham gia ý kiến và giám sát của cộng đồng dân cư trong khai thác công trình bảo đảm quyền lợi của người sử dụng: Đối với các công trình đang xây dựng, nâng cấp, sửa chữa trên địa bàn xã, thì UBND xã và cộng đồng người hưởng lợi thực hiện giám sát cộng đồng, đối với các công trình đã đưa vào khai thác, sử dụng thì UBND xã giao cho cộng đồng người hưởng lợi trực tiếp quản lý, khai thác sử dụng nên không thực hiện giám sát cộng đồng trong khai thác công trình.

- Chế độ thông tin, báo cáo của cơ quan đơn vị được giao quản lý đối với UBND huyện: UBND các xã, thị trấn là cơ quan trực tiếp quản lý có trách nhiệm báo cáo hiện trạng các công trình nước sinh hoạt trước, trong và sau mùa mưa, lũ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của UBND huyện và cơ quan chuyên môn.

- Việc hàng năm cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương để sửa chữa, nâng cấp các công trình nước sinh hoạt nông thôn: Hàng năm UBND huyện ban hành Quyết định giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo an ninh quốc phòng, trong đó có giao chỉ tiêu về đầu tư xây dựng, nâng cấp sửa chữa các công trình nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn huyện cho từng năm, từng giai đoạn và giao cơ quan chuyên môn, UBND các xã tiến hành kiểm tra, rà soát các công trình hư hỏng tiến hành xây dựng kế hoạch sửa chữa khắc phục, căn cứ vào nguồn vốn ngân sách thực hiện phân bổ để sửa chữa, nâng cấp các công trình nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn. Thực tế, do ngân sách huyện còn hạn hẹp, chủ yếu phụ thuộc ngân sách tỉnh hỗ trợ cho huyện. Do nhu cầu sửa chữa các công trình NSH trên địa bàn huyện là rất lớn, nên trong khả năng huyện chỉ có thể cân đối được một phần kinh phí để ưu tiên sửa chữa cấp bách đối với một vài công trình. Các công trình NSH bị hư hỏng nhỏ nhân dân đều tự khắc phục sửa chữa nhằm đảm bảo phục vụ nước sinh hoạt, ổn định cuộc sống.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Những kết quả đạt được**

- Các công trình nước sinh hoạt nông thôn tập trung đã được nhà nước đầu tư trên địa bàn huyện cơ bản đã góp phần giải quyết vấn đề khó khăn về nước sinh hoạt, nâng cao chất lượng cuộc sống, sức khỏe của người dân, môi trường khu vực nông thôn.

- Tỷ lệ số dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh tăng qua các năm, từ 75,52% năm 2017 lên 81,3% năm 2019.

#### **2. Những hạn chế và nguyên nhân**

- Các công trình nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn đã được đầu tư xây dựng lâu, nhiều công trình đã hư hỏng, xuống cấp, hết khấu hao trong khi nguồn vốn duy tu, sửa chữa rất hạn hẹp.

- Nhận thức của người dân nông thôn về nước sinh hoạt hợp vệ sinh còn chưa đồng đều. Nhiều phong tục tập quán lạc hậu vẫn còn tồn tại, ý thức vệ sinh môi trường của người dân chưa đáp ứng yêu cầu, ý thức bảo vệ công trình sau đầu tư chưa cao, việc giữ gìn tài sản công cộng của người dân còn hạn chế, khiến các công trình sau đầu tư nhanh chóng bị xuống cấp, hư hỏng.

- Mô hình quản lý bộc lộ nhiều hạn chế (*mô hình UBND xã, cộng đồng thôn bản quản lý*): Công tác quản lý chưa được quan tâm thường xuyên; công chức xã còn thiếu kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn, thiếu công cụ và phương tiện kiểm tra, xử lý các sự cố, không có kinh phí quản lý và kinh phí thực hiện sửa chữa hệ thống công trình nước sinh hoạt nông thôn ...

- Diễn biến thời tiết có xu hướng ngày càng bất lợi, thiên tai xảy ra ngày càng khắc nghiệt. Mùa khô lượng nước ở các khe cạn kiệt không đủ nước, mùa mưa thì lũ, gây xói, sạt lở, làm hư hỏng công trình. Một số bản nằm trong khu vực Các-tơ nên không có nước mặt hoặc có nhưng nhỏ, ít nước.

- Các công trình nước sinh hoạt mới chỉ quan tâm về xây dựng, về công tác quản lý, khai thác còn yếu, đồng thời có xu hướng nặng về bao cấp dẫn đến tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước của người dân.

### **3. Các giải pháp để nâng cao chất lượng quản lý, sử dụng khai thác bảo vệ các công trình nước sinh hoạt nông thôn tập trung**

#### *a. Công tác thông tin – giáo dục – tuyên truyền và tham gia cộng đồng*

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ công trình và huy động nhân dân góp sức duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng kịp thời khi công trình vừa mới bị hư hỏng. Cùng với đó, tiếp tục tranh thủ nguồn vốn của các dự án, tổ chức tài trợ để đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt cho người dân.

- Tuyên truyền nhân dân nâng cao ý thức trong việc trồng rừng, bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng đầu nguồn; sử dụng và bảo vệ nguồn nước sạch.

- Tăng cường sự tham gia của cộng đồng, đảm bảo tạo cơ hội thuận lợi và bình đẳng để người dân được hưởng lợi và tham gia tích cực, chủ động vào các hoạt động quản lý khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa đối với các công trình NSH trên địa bàn.

#### *b. Cơ chế chính sách*

- Huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư vào các hoạt động cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đa dạng hóa các mô hình đầu tư: Nhà nước, nhân dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác tham gia quản lý, vận hành, bảo dưỡng công trình, dịch vụ cung cấp nước sạch và VSMT nông thôn.

- Huyện chỉ đạo các Ngân hàng đóng trên địa bàn thực hiện nguồn vốn tín dụng cho nhân dân vay vốn xây dựng công trình nước sinh hoạt với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ các hộ gia đình chính sách, gia đình nghèo, các vùng ĐBKK về nguồn nước.

- Thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình đầu tư, sử dụng các nguồn kinh phí khác nhau trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung, nhất là Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện xây dựng mới 04 công trình nước sinh hoạt nông thôn tập trung trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025.

### *c. Công tác quản lý*

- Những vùng dân cư sống tập trung có nguồn nước sinh hoạt, ưu tiên đầu tư các công trình cấp nước tập trung 1 xã hoặc liên xã; đối với những vùng dân cư sống phân tán đầu tư loại hình công trình cấp nước nhỏ lẻ như giếng đào, giếng khoan, bể chứa nước mưa, bể lọc nước nhằm giảm suất đầu tư.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về cung cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung bằng việc: Đảm bảo đáp ứng nhu cầu của người sử dụng nước sinh hoạt chuyển từ phục vụ sang dịch vụ cấp NSH nông thôn, sử dụng bền vững, hiệu quả đối với các công trình cấp NSH nông thôn tập trung.

### *d. Quản lý vận hành sau đầu tư*

- Tăng cường triển khai công tác đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ cho các Tổ chức thủy lợi cơ sở được thành lập trên địa bàn các xã, thị trấn; bố trí kinh phí cho công tác duy tu bảo dưỡng để duy trì hoạt động bền vững cho các công trình nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn.

- Tăng cường củng cố, đổi mới mô hình HTX quản lý khai thác các công trình cấp NSH nông thôn tập trung trên địa bàn các xã, thị trấn. Khuyến khích phát triển mô hình công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân quản lý khai thác các công trình cấp NSH tập trung trên địa bàn.

## **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **1. Kiến nghị với Trung ương**

- Có chính sách ưu đãi thực hiện quản lý, vận hành công trình sau đầu tư phát huy hiệu quả, khi công trình đưa vào sử dụng, ngân sách nhà nước hỗ trợ giá nước cho các hộ sử dụng nhằm khuyến khích người dân tiếp cận, làm quen với việc sử dụng nước từ các công trình nước sinh hoạt tập trung.

- Đề nghị Trung ương quan tâm hàng năm tăng mức bố trí vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh Điện Biên đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn; bố trí kinh phí thực hiện đẩy mạnh các hoạt động Thông tin, tuyên truyền, tập huấn nâng cao năng lực quản lý các cấp.

### **2. Kiến nghị với Tỉnh**

- Đề nghị Tỉnh ban hành Quy định về Quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp NSH nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Hàng năm tăng cường vốn từ ngân sách tỉnh bố trí cho ngân sách huyện đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn đã bị xuống cấp và hư hỏng nặng.

### 3. Kiến nghị với cơ quan đơn vị liên quan

Tăng cường phối hợp với UBND các xã, thị trấn, các ban, ngành đoàn thể trong công tác tuyên truyền cho người dân nâng cao ý thức thực hiện việc quản lý khai thác, sử dụng, bảo dưỡng công trình nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn huyện.

Trên đây là nội dung Báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn. UBND huyện Tuần Giáo tổng hợp báo cáo Thường trực HĐND huyện; Đoàn Giám sát của Hội đồng nhân dân huyện./.

**Nơi nhận:**

- HĐND huyện;
- LĐ UBND huyện;
- Lưu: VT, NN. *ks*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

*ks*



*Nữ Văn Đức*

**HIỆN TRẠNG CÔNG TRÌNH NƯỚC SINH HOẠT THÔN TẬP TRUNG NĂM 2020**  
(Kèm theo Báo cáo số: 177 /BC-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2020 của UBND huyện Thuận Giáo)

TT	Tên công trình	Số lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Hiện trạng				Nguyên nhân công trình không hoạt động
					Tốt	Trung bình	Kém hiệu quả	Không hoạt động	
<b>TỔNG</b>		<b>140</b>			<b>12</b>	<b>29</b>	<b>32</b>	<b>67</b>	
<b>I</b>	<b>Xã Mường Mùn</b>	<b>11</b>							
1	NSH trung tâm xã		2012	2012	x				
2	NSH bản Gia Bọp		2016-2017	2017			x		Hồng bê đầu mối
3	NSH bản Co Ngự		2001	2001				x	CT xây dựng từ lâu, xuống cấp, hư hỏng, nguồn nước thiếu
4	NSH bản Nà Chua		2004	2004				x	CT xây dựng từ lâu, xuống cấp, hư hỏng
5	NSH bản Huổi Kạ		1996	1996				x	CT xây dựng từ lâu, xuống cấp, hư hỏng, nguồn nước thiếu
6	NSH Bản Lúm		1999	1999				x	CT xây dựng từ lâu, xuống cấp, hư hỏng
7	NSH bản Huổi Lốt		1999	1999				x	CT xây dựng từ lâu, xuống cấp, hư hỏng
8	NSH bản Huổi Cáy		2012	2012	x				
9	NSH bản Hóm Hóc, Xuân Tươi		2003	2003				x	CT xây dựng từ lâu, xuống cấp, hư hỏng từ 2012
10	NSH bản Ta Pao		2005	2005					CT xây dựng từ lâu, xuống cấp, hư hỏng
11	NSH bản Mường 1,2,3		2000	2000				x	CT xây dựng từ lâu, xuống cấp, hư hỏng
<b>II</b>	<b>Xã Pú Xi</b>	<b>6</b>							
1	NSH bản Hua Mức 1		2008	2008				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
2	NSH bản Hua Mức 2		2008	2008				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng do thiên tai và xuống cấp
3	NSH bản Thảm Mú		2008	2008			x		
4	NSH bản Hua Mức 3		2010	2010					
5	NSH bản Hát Khoang		2005	2005				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng do thiên tai và xuống cấp
6	NSH khu TĐC Hua Mức 2		2014	2014				x	Trôi đầu mối, hồng bê lọc do thiên tai năm 2015
<b>III</b>	<b>Xã Mùn Chung</b>	<b>6</b>							







TT	Tên công trình	Số lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Hiện trạng				Nguyên nhân công trình không hoạt động
					Tốt	Trung bình	Kém hiệu quả	Không hoạt động	
1	NSH bản Chiềng Ban		2009	2009				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
2	NSH bản Phiêng Pên		2005	2005			x		Nguồn thiếu nước, CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
3	NSH bản Ta Léch		2004	2004			x		Nguồn thiếu nước, CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
4	NSH bản Bó Léch		2004	2004				x	CT xây dựng từ lâu, xuống cấp, hư hỏng
5	NSH bản Huổi Lóng		2011	2011				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, đã có CT mới thay thế
6	NSH trung tâm thị tứ Huổi Lóng		2015	2015	x				
<b>IV</b>	<b>Xã Nà Tông</b>	<b>8</b>							
1	NSH bản Nậm Bay		2007	2007				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiên tai
2	NSH bản Nà Tông		2011	2011				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiên tai
3	NSH bản Co Muông		1997	1997				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, không đủ nước
4	NSH bản Pá Tong		2008	2008				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiên tai
5	NSH bản Nong Tóng		2006	2006		x			
6	NSH bản Co Phát		2009	2009	x				
7	NSH khu TĐC Phiêng xanh		2013-2014	2014				x	Công trình hư hỏng, xuống cấp, ý thức người dân
8	NSH Trung tâm xã		2014	2014		x			
<b>V</b>	<b>Xã Ta Ma</b>	<b>8</b>							
1	NSH bản Háng Chua		2000	2000				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
2	NSH bản Phình Cừ		2004	2004				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
3	NSH bản Thớ Tỷ		2008	2008				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
4	NSH bản Trạm Cù		2008	2008				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
5	NSH bản Nà Đấng		2005	2005				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
6	NSH bản Kê Cài		2005	2005				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
7	NSH bản Phiêng Cài		2010	2010				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
8	NSH Phiêng Vang		2013	2013				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước

TT	Tên công trình	Số lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Hiện trạng				Nguyên nhân công trình không hoạt động
					Tốt	Trung bình	Kém hiệu quả	Không hoạt động	
<b>VI</b>	<b>Xã Phình Sáng</b>	<b>10</b>							
1	NSH bán Khu Trá		2003	2003				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
2	NSH bán Phình Sáng		2003	2003				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
3	NSH bán Phảng Cù		2003	2003				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
4	NSH bán Hàng Chùa		2004	2004				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
5	NSH bán Phiêng Cài		2002	2002				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
6	NSH bán Mí Làng B		2008	2008			x		CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
7	NSH bán Mỹ Làng A		2002	2002				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
8	NSH bán Nậm Dìn		2012	2012				x	CT hỏng máy bơm, tuyền ống, không thu được tiền nước
9	NSH bán Phiêng Hoa		2003	2003				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
10	NSH bán Hàng Khúa		2001	2001				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
<b>VII</b>	<b>Xã Rạng Đông</b>	<b>6</b>							
1	NSH bán Bon A		2002	2002			x		
2	NSH bán Bon B		2002	2002			x		
3	NSH bán Nong Luông		2005	2005			x		
4	NSH bán Hàng Á		2003	2003				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
5	NSH bán Xá Nhè		2003	2003				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
6	NSH bán Món		2008	2008				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
<b>VIII</b>	<b>Xã Pú Nhung</b>	<b>3</b>							
1	NSH bán Phiêng Pi + Tênh lá		2008	2008			x		CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
2	NSH bán Trung Đình		2008	2008		x			
3	NSH bán Đẻ Chia, Xá Tư, Khó Bua		2008	2008			x		CT xây dựng từ lâu, hư hỏng, thiếu nước
<b>IX</b>	<b>Xã Quài Nưa</b>	<b>9</b>							

TT	Tên công trình	Số lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Hiện trạng				Nguyên nhân công trình không hoạt động
					Tốt	Trung bình	Kém hiệu quả	Không hoạt động	
1	NSH bản Ten, Chấn		2010	2010			x		CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
2	NSH bản Mã Khúa + Nong Giáng		2009	2009		x			
3	NSH bản Bó		2007	2007	x				
4	NSH bản Cọ		2007	2007				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
5	NSH bản Cang, bản Cù		2009	2009			x		
6	NSH bản Co Muông, Noong Trạng		2009	2009	x				
7	NSH bản Noong Liếng		1998	1998					CT xây dựng từ lâu, xuống cấp, hư hỏng
8	NSH bản Quang Vinh + Bản Chá		2005	2005			x		
9	NSH bản Giáng + khu vực Minh Thằng		2008	2008			x		
<b>X</b>	<b>Xã Quài Tô</b>	<b>15</b>							
1	NSH bản Hua Ca		2003	2003			x		
2	NSH bản Thẩm Pao		2003	2003			x		
3	NSH bản Lói, Lé, Ngúa		2010	2010			x		
4	NSH bản Lạ, Co Hón		2007	2007			x		
5	NSH bản Có		2007	2007			x		
6	NSH bản Xôm		2010	2010			x		
7	NSH bản Ban		2010	2010	x				
8	NSH bản Món		2008	2008				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
9	NSH bản Đứa		2008	2008			x		
10	NSH bản Pậu - Én		2008	2008			x		
11	NSH bản Biếng + Bông		2016	2016			x		Nguồn nước ít nước
12	NSH bản Hới		2007	2007			x		
13	NSH bản Sán		2010	2010			x		



TT	Tên công trình	Số lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Hiện trạng				Nguyên nhân công trình không hoạt động
					Tốt	Trung bình	Kém hiệu quả	Không hoạt động	
14	NSH bản Bàng		2010	2010				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
15	NSH bản Hới nọ 1 + Hới nọ 2		2007	2007				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
<b>XI</b>	<b>Thị trấn Tuấn Giáo</b>	<b>6</b>							
1	NSH bản Huồi Hạ		2008	2008		x			
2	NSH bản Đông		2008	2008		x			
3	NSH bản Lập		2009	2009				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
4	NSH bản Chiềng Khoang		2011	2011		x			
5	NSH khối Đồng Tâm		2015	2015	x				
6	NSH bản Chiềng Chung		2011	2011		x			
<b>XII</b>	<b>Xã Chiềng Sinh</b>	<b>1</b>							
1	NSH trung tâm xã		2010	2010			x		
<b>XIII</b>	<b>Xã Chiềng Đông</b>	<b>6</b>							
1	NSH bản Cội		1994	1994				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
2	NSH bản Hua Nạ		2004	2004		x			
3	NSH bản Hua Chấn		2004	2004		x			
4	NSH bản Phang		2008	2008				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
5	NSH bản Vánh 1		2005	2005		x			
6	NSH bản Vánh 3		2008	2008		x			
<b>XIV</b>	<b>Xã Mường Thín</b>	<b>11</b>							
1	NSH bản Đông Cao		2004	2004			x		
2	NSH bản Đông Tháp		2004	2004				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
3	NSH bản Chứn		2008	2008				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
4	NSH bản Thảm Xá		2008	2008		x			
5	NSH bản Yên		2003	2003				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng

TT	Tên công trình	Số lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Hiện trạng				Nguyên nhân công trình không hoạt động
					Tốt	Trung bình	Kém hiệu quả	Không hoạt động	
6	NSH bán Bản Mương + Khai hoang		2003	2003				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
7	NSH bán Thôn B		2001	2001				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
8	NSH bán Thôn A		2007	2007				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
9	NSH bán Hóc		2011	2011			x		
10	NSH trung tâm xã		2011	2011			x		CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
11	NSH bán Liếng		2007	2007		x			
<b>XV</b>	<b>Xã Tênh Phong</b>	<b>4</b>							
1	NSH bán Ten Hon		2000	2000				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
2	NSH bán Xá Tụ		2003	2003			x		
3	NSH bán Há Rùa		2003	2003			x		
4	NSH bán Huồi Anh		2000	2000			x		
<b>XVI</b>	<b>Xã Tỏa Tình</b>	<b>8</b>							
1	NSH bán Sông ia		2001	2001			x		
2	NSH bán Hua Sa B		2004	2004			x		
3	NSH bán Hua Sa A		2009	2009			x		
4	NSH bán Toả Tình		2005	2005				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
5	NSH bán Háng Tàu		2005	2005			x		
6	NSH bán Lòng		2013	2013				x	
7	NSH bán Ché Á		2000	2000				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
8	NSH trung tâm xã		2000	2000				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
<b>XVII</b>	<b>Xã Nà Sáy</b>	<b>4</b>							
1	NSH Trung tâm xã		2003	2003				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
2	NSH bán Hong Lục		2006	2006				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
3	NSH bán Nặm Cá		2008	2008				x	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng

TT	Tên công trình	Số lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Hiện trạng				Nguyên nhân công trình không hoạt động
					Tốt	Trung bình	Kém hiệu quả	Không hoạt động	
4	NSH bán Pom Khoang		2012	2012		X			
<b>XVIII Xã Mường Khong</b>									
1	NSH bán Khoang Nưa	7	2004	2004				X	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
2	NSH bán Khong Tô		2004	2004				X	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
3	NSH Bán Hua Sắt		2005	2005		X			
4	NSH bán Phai Mướng		2008	2008				X	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
5	NSH bán Phiêng Hin		2007	2007		X			
6	NSH bán Huổi Nôm		2010	2010		X			
7	NSH trung tâm xã		2015	2015			X		
<b>XIX Xã Quải Cang</b>									
1	NSH bán Hin	11	2007	2007			X		
2	NSH bán Cuông		2008	2008				X	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
3	NSH bán Giảng + Kệt + Cán		2005	2005				X	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
4	NSH bán Cạn + bán Cón		2007	2007			X		
5	NSH bán Phú		2007	2007			X		
6	NSH bán Sái Trong		2008	2008			X		
7	NSH bán Phung + Hân		2006	2006				X	CT xây dựng từ lâu, hư hỏng
8	NSH bán Khá		2008	2008		X			
9	NSH bán Sái ngoài		2012	2012		X			
10	NSH bán Cong		2012	2012		X			
11	NSH bán Ten Cá		2019-2020	2020			X		